

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày: 19-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân;

2. Bà Trần Thị Thanh Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 260/2023/HSST ngày 11/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/QĐXXST-HS ngày 25/12/2023 đối với bị cáo họ và tên:

Nguyễn Hữu Đ, tên gọi khác: /; giới tính: Nam; sinh năm 1999 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang**; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: Lớp 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Nguyễn Văn T** và bà **Phạm Thị T1**; sống chung như vợ chồng và chưa đăng ký kết hôn với **Phạm Thị N**, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **An Công L**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Y, H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**; Tạm trú: **Số B P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1998; địa chỉ: **xã M, huyện C, tỉnh An Giang**. (Vắng mặt)

- Ông **Trịnh Ngọc C**, sinh năm 1994; địa chỉ: **thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 03/8/2023, Nguyễn Hữu Đ nhìn thấy ông A Công Luận điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 36B2 – 788.29 về đỗ tại dãy trọ địa chỉ 205/10/7 đường P, phường P, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh, có cắm sẵn chìa khóa xe. Đ nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên của ông L, bán lấy tiền tiêu xài. Đ về phòng trọ, rủ Phạm Thị N (Đ và N sống chung như vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn) lấy trộm chiếc xe trên, N không đồng ý.

Khoảng 04 giờ ngày 04/8/2023, Đ ngủ dậy, lén lút lấy trộm chiếc xe Sirius biển số 36B2 – 788.29 của ông L dắt bộ ra cách nhà khoảng 10 mét rồi gọi N cùng Đ đi về Bình Dương. Trên đường về, khi tới đường M, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, cả hai ghé vào một quán Cafe vờ nghỉ ngơi. Lúc này, Đ dùng điện thoại của mình chụp ảnh chiếc xe trên và đăng lên mạng xã hội Facebook bán với giá 2.500.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày thì có một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) liên hệ với Đ mua xe và hẹn tới số D đường M, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương để bán xe. Sau khi bán xe, N hỏi Đ xe đâu rồi thì Đ có nói với N là đã bán xe được 2.500.000 đồng. Số tiền này Đ giữ và chi tiêu hàng ngày cho Đ và N. Do sợ bị phát hiện nên Đ đã xóa hết các hình ảnh, tin nhắn, cuộc gọi và các bài đăng liên quan đến việc mua bán chiếc xe trên.

Phát hiện bị mất xe, ông A Công Luận yêu cầu chủ trọ là bà Huỳnh Thị Hiếu N1 cho xem lại Camera thì phát hiện Đ là người đã lấy trộm chiếc xe Sirius biển số 36B2 – 788.29 của mình và cùng N bỏ đi. Ông L nhờ bạn bè liên lạc với Đ, N và hẹn gặp trực tiếp tại phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đã báo công an phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương và mời Đ về trụ sở Công an làm việc. Do sự việc xảy ra trên địa bàn Quận G, thành phố Hồ Chí Minh nên Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q để tiếp nhận, thụ lý theo thẩm quyền.

Qua truy xét, ngày 18/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Hữu Đ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q Nguyễn Hữu Đ khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Theo Kết luận định giá số 236/KL-HĐĐGTTHS ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận G, kết luận: 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 36B2-78829, đăng ký lần đầu tháng 2/2013 có giá 4.000.000 đồng.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 36B2-78829, số khung: RLCS5C641DY013435, số máy: 5C641013441, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, thành phố Hồ Chí Minh không thu hồi được. Qua xác minh xe do ông Trịnh Ngọc C (sinh năm 1994, HKTT: Thôn T, Y, Y, Thanh Hóa) đứng tên chủ sở hữu. Bị hại ông An Công L khai nhận, chiếc xe trên mua của ông Trịnh Ngọc C không lập hợp đồng mua bán, không sang tên. Xác minh tại địa phương ông Trịnh Ngọc C không thực tế sinh sống tại địa phương, thường xuyên vắng mặt, đi làm ăn xa, hiện không rõ đi đâu làm gì. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra quyết định truy tìm vật chứng đối với chiếc xe trên.

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu HuaWei Y9, số IMEI I: 8667743041236073, số IMEI II: 867743041271088.

* Về dân sự: Ông **An Công L** yêu cầu bồi thường 7.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 03/CT-VKSQ7 ngày 08/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận các hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố;

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội “ Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **An Công L** yêu cầu bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng cho ông **A Công Luận**.

- Xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu HuaWei Y9, số IMEI I: 8667743041236073, số IMEI II: 867743041271088, thu giữ của bị cáo, bị cáo dùng để trao đổi bán tài sản trộm cắp được nên tịch thu sung quỹ

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại địa chỉ 205/10/7 **đường P, phường P, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh**, bị cáo **Nguyễn Hữu Đ** thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản là xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 36B2-78829 của bị hại là ông **An Công L**. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 236/KL-HĐĐGTTHHS ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **Quận G** kết luận: “01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 36B2-78829, đăng ký lần đầu tháng 02/2013 trị giá 4.000.000 đồng”. Do đó, hành vi của bị cáo **Nguyễn Hữu Đ** đã phạm vào tội “Trộm

cấp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông **A Công Luận** yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý nên ghi nhận, buộc bị cáo bồi thường cho ông **A Công Luận** số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng.

[6] Xử lý vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động hiệu HuaWei Y9, số IMEI I: 8667743041236073, số IMEI II: 867743041271088, thu giữ của bị cáo, bị cáo dùng để trao đổi bán tài sản trộm cắp được nên xét tịch thu sung quỹ

[7] Đối với **Phạm Thị N** không đủ cấu thành tội Không tố giác tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Q** không xử lý hình sự đối với **N** là có căn cứ.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hữu Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu Đ** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2023.

2. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

2.1. Tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại di động hiệu HuaWei Y9, số IMEI I: 8667743041236073, số IMEI II: 867743041271088. (Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 30 ngày 22/11/2023)

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông **A Công Luận** số tiền là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phương T2